ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2490 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 13 tháng 9 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định (tạm thời) tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng trong phạm vi nguồn kinh phí được bố trí năm 2017 của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án, chương trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc tỉnh Hưng Yên

U.B.N.D HUYỆN MỸ HÀO
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 906
Ngày: 18/9/2017

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BTC ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp giao ban Chủ tịch, các Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 06/9/2017;

Căn cứ Công văn số 360/HĐND-KTNS ngày 12/9/2017 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định (tạm thời) tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong phạm vi nguồn kinh phí được bố trí năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 296/TTr-STC ngày 21/8/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định (tạm thời) tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng trong phạm vi nguồn kinh phí được bố trí năm 2017 của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập, Ban quản lý dự án, chương trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc tỉnh Hưng Yên như sau:

1. Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản: Chi tiết theo Phụ lục số 01 kèm theo.

2. Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản: Chi tiết theo Phụ lục số 02 kèm theo.

3. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh lại ký, mã hiệu máy móc, thiết bị chuyên dùng cho phù hợp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm rà soát, tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình thực hiện và tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh theo yêu cầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV: TH[C].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Đặng Ngọc Quỳnh

Phụ lục số 01

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC (TẠM THỜI) MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG CÓ GIÁ MUA TỪ 500 TRIỆU ĐỒNG TRỞ LÊN/01 ĐƠN VỊ TÀI SẢN

(Kèm theo Quyết định số 24/00 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
A1	**Y TẾ**			
I	**Mua sắm trang thiết bị y tế cho các đơn vị thuộc ngành y tế năm 2017**			
1	Máy sinh hóa hoàn toàn tự động 225 TEST/giờ	Chiếc	1	975.000.000
2	Máy sinh hóa hoàn toàn tự động 600 TEST/giờ	Chiếc	2	2.050.000.000
3	Máy phân tích huyết học tự động	Chiếc	1	562.000.000
4	Máy siêu âm màu 4D (4 đầu dò)	Chiếc	3	2.185.000.000
5	Máy siêu âm màu xách tay kèm máy in	Chiếc	1	692.000.000
6	Máy đo miễn dịch huỳnh quang tự động hoàn toàn	Chiếc	1	5.230.000.000
7	Máy X-quang kỹ thuật số kèm máy in Film	Chiếc	4	4.975.000.000
8	Máy sấy đồ vải công nghiệp 36 kg	Chiếc	1	626.000.000
9	Điện não đồ	Chiếc	1	895.000.000
10	Tủ an toàn sinh học cấp II loại A2	Chiếc	1	680.000.000
11	Mô hình đào tạo giảng dạy và thực hành cho chuyên ngành cấp cứu sản khoa và nhi khoa	Bộ	1	2.875.000.000
II	**Trung tâm Truyền thông GDSK**			
1	Mua sắm TTB phòng họp trực tuyến phục vụ các hội của ngành, các chi phí phục vụ phòng họp trực tuyến	Phòng	1	675.000.000
III	**Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hưng Yên**			
1	Máy chụp X-quang kỹ thuật số kèm máy in phim + lioa + lưu điện	Bộ	1	5.295.000.000
2	Máy phân tích sinh hoá tự động 300 test kèm máy in chuyên dụng	Cái	1	1.632.000.000
IV	**Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Hưng Yên**			
1	Máy sinh hóa hoàn toàn tự động 600 TEST/giờ	Cái	1	2.050.000.000
2	Máy phân tích miễn dịch tự động	Cái	1	3.650.000.000
3	Máy đo khí máu	Cái	1	680.000.000
4	Máy định danh vi khuẩn, làm kháng sinh đồ tự động	Cái	1	2.937.000.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
5	Máy cấy máu	Cái	1	1.650.000.000
6	Kính hiển vi huỳnh quang	Cái	1	585.000.000
7	Máy nhuộm tiêu bản	Cái	1	781.000.000
8	Máy X-quang cao tần KTS kèm máy in fim + lioa+lưu điện	Bộ	1	5.250.000.000
9	Máy chụp X-quang tại giường	Cái	1	1.955.000.000
10	Nồi hấp áp lực loại dung tích vừa (75 lít)	Cái	2	850.000.000
V	**Trung tâm Y tế huyện Mỹ Hào**			
1	Hệ thống mổ nội soi ổ bụng	Hệ thống	1	1.305.000.000
VI	**Trung tâm Y tế huyện Văn Lâm**			
1	Đèn nhà mổ 2 nhánh (Hàn Quốc)	chiếc	1	580.000.000
A2	**PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH**			
I	**Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**			
1	Bộ Camera chuyên dụng Studio 3 chíp 2/3 CMOS Zoom 20X và các thiết bị phụ trợ: (Bộ điều khiển, bàn điều khiển, màn hình, dây cho bàn điều khiển, dây cáp quang chuyên dụng, tai nghe, bộ điều khiển ống kính, chân camera, công vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng)	Bộ	2	1.845.000.000
2	Hệ thống ánh sáng trường quay chuyên dụng bao gồm: Đèn Fresnel 6 chiếc, đèn trung hòa 4 chiếc, bàn điều khiển đèn, hệ thống khung chịu lực tay treo đèn, phụ kiện móc treo đèn, dây điều khiển, dây điện, tủ điện, cầu giao ... vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng.	Hệ thống	1	804.820.000
3	Màn hình LED hiển thị sân khấu P3.91 Fullcorlor indoor (20 mét vuông) kèm theo hệ thống điều khiển màn hình, Card truyền, Card nhận, Video processor, máy tính điều khiển, hệ thống khung giàn, vật tư phụ kiện, tủ điện, cable, dây điện, vận chuyển, lắp đặt, hướng dẫn sử dụng ...	Bộ	1	1.850.180.000
4	Hệ thống máy phát sóng tự động kỹ thuật số chất lượng HD gồm: Bộ server phát sóng tự động Vector 3, Bộ router trung tâm HD/SDI 1080i tối đa vào ra 72x64, Bộ Frame sync chuyển đổi định dạng, Card khuếch đại phân chia HD/SD, Card khuếch đại phân chia tín hiệu xung đồng bộ, Bộ KVM extender RJ45	Hệ thống	1	2.481.391.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
5	Hệ thống camera trường quay HD chuyên dụng loại 3 CCD 2/3", 16 bit A/D conversion, chỉnh màu 12-axis kèm theo tripod adapter, bộ điều khiển, remote controller, màn hình 7"LCD Viewfinder, Optical Cable 100m, Headset liền Mic, HD Zoom Lens 2/3 inch, Servo Control, chân máy quay	Hệ thống	2	2.291.800.000
6	Bộ lưu trữ trung tâm 72TB-SAS, Quad Fiber Channel 8GB	Bộ	1	858.655.000
A3	**THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**			
1	Hệ thống cáp quang	Hệ thống	1	697.400.000
2	Hệ thống UPS 3 pha tập trung	Hệ thống	1	739.200.000
3	Hệ thống điều hòa chính xác	Hệ thống	1	907.500.000
4	Thiết bị hội nghị truyền hình (Bộ điều khiển trung tâm MCU tổng)	Bộ	1	2.219.800.000
A4	**VĂN HÓA**			
I	**Trung tâm Phát hành phim và chiếu bóng**			
1	Máy chiếu phim kỹ thuật số đạt chuẩn 2K	Bộ	1	997.000.000
A5	**TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**			
1	Hệ thống nhận dữ liệu quan trắc tự động của các đơn vị có lưu lượng nước thải lớn trong KCN	Hệ thống	1	1.577.000.000
A6	**GIAO THÔNG**			
I	**Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới**			
1	Thiết bị kiểm tra phanh	Bộ	2	1.226.798.000

Phụ lục số 02

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC (TẠM THỜI) MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG CÓ GIÁ MUA DƯỚI 500 TRIỆU ĐỒNG/01 ĐƠN VỊ TÀI SẢN

(Kèm theo Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
A	**TÀI SẢN TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CHUYÊN NGÀNH**			
A1	**Y TẾ**			
I	**Trang thiết bị y tế cho các đơn vị thuộc ngành y tế năm 2017**			
1	Máy siêu âm đen trắng xách tay kèm máy in	Chiếc	1	185.000.000
2	Điện tim 6 cần	Chiếc	1	110.000.000
3	Máy soi cổ tử cung	Chiếc	1	320.000.000
4	Máy truyền dịch	Chiếc	3	75.000.000
5	Máy sinh hiển vi khám mắt	Chiếc	1	345.000.000
6	Monitor theo dõi bệnh nhân 7 thông số có theo dõi chỉ số sống	Chiếc	1	375.000.000
7	Máy xét nghiệm nước tiểu 11 thông số	Chiếc	1	75.000.000
II	**Trung tâm y tế huyện Yên Mỹ, Mỹ Hào, Văn Lâm, Văn Giang, Kim Động, Tiên Lữ**			
1	Giường cấp cứu đa năng trang bị cho 06 trung tâm y tế huyện	Chiếc	18	89.000.000
III	**Trung tâm y tế huyện Mỹ Hào**			
1	Máy siêu âm xách tay đen trắng + máy in	Chiếc	1	200.000.000
I	**Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Hưng Yên**			
1	Bàn kéo dãn cột sống lưng cổ	Cái	1	485.000.000
2	Máy điều trị bằng dòng giao thoa	Cái	1	123.000.000
3	Máy điều trị bằng sóng cao tần	Cái	1	459.000.000
4	Máy điều trị bằng từ trường	Cái	1	381.000.000
5	Máy điều trị tần số thấp	Cái	1	116.000.000
II	**Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Hưng Yên**			
1	Máy đo chức năng hô hấp	Cái	1	290.000.000
2	Máy truyền dịch	Cái	4	55.000.000
3	Máy bơm tiêm điện	Cái	4	65.000.000
4	Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	3	210.000.000
5	Máy hút áp lực thấp	Cái	3	75.000.000
6	Bóng bóp người lớn	Cái	4	2.000.000
7	Bóng bóp trẻ em	Cái	2	2.000.000
8	Giường bệnh	Cái	60	10.000.000
9	Tủ đầu giường	Cái	60	6.000.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
10	Tủ sấy nhiệt độ 250 độ C	Cái	5	95.000.000
11	Đèn khám bệnh	Cái	4	3.000.000
12	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	Bộ	2	15.000.000
13	Đèn đọc phim X-quang	Cái	4	6.000.000
14	Đèn cực tím tiệt trùng	Cái	2	7.000.000
15	Máy vi tính + máy in chuyên dụng	Bộ	5	15.000.000
16	Bộ dụng cụ mở khí quản	Bộ	1	21.000.000
17	Kim chọc màng phổi	Cái	4	1.000.000
18	Máy điện tim 3 cần	Cái	1	75.000.000
19	Giường cấp cứu	Cái	2	25.000.000
20	Bàn tiểu phẫu	Cái	1	13.000.000
21	Máy điện giải 5 thông số	Cái	1	490.000.000
22	Máy cất nước 2 lần	Cái	1	190.000.000
23	Máy đo độ PH	Cái	1	35.000.000
24	Xe chở đồ vải	Cái	2	7.000.000
25	Hộp hấp bông gạc	Cái	50	1.000.000
26	Hộp hấp dụng cụ các loại	Cái	50	3.000.000
27	Giá hấp tiếp nhận vật chưa hấp và đã hấp	Cái	4	5.000.000
III	**Trường Cao đẳng Y Hưng Yên**			
1	MH giải phẫu hệ xương toàn thân	Bộ	1	45.000.000
3	MH giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	1	45.000.000
4	MH chăm sóc toàn diện	Bộ	1	132.000.000
5	MH hồi sinh tim phổi	Bộ	1	128.000.000
6	MH tiêm truyền tĩnh mạch cánh tay	Bộ	1	80.000.000
7	MH tiêm mông	Bộ	1	78.000.000
8	MH tiêm bắp cánh tay	Bộ	1	134.000.000
9	MH chăm sóc toàn diện trẻ sơ sinh	Bộ	1	180.000.000
10	Máy đo PH	Cái	1	49.000.000
11	Máy dập viên	Cái	1	100.000.000
12	Cân điện tử	Cái	1	24.500.000
A2	**PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH**			
I	**Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh**			
1	Máy chủ quản lý SAN đi kèm phần mềm quản lý kết nối 2xFC 16Gbps + 4xEthernet 10Gbps (Sever đồng bộ cấu hình cao quản lý SAN, Bộ kit kết nối IP SAN 2xFC 16Gbps + 4xEthernet 10Gbps, vật tư, phụ kiện ….	Bộ	1	382.800.000
2	Bộ máy tính trạm nguyên chiếc HP Z440 biên tập âm thanh	Bộ	1	95.370.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
	Card xử lý tiếng trong tổng khống chế Audio ALC-HD/SD-SDI	Bộ	1	98.725.000
	Hệ thống nhắc lời cho MC bao gồm: màn hình nhắc lời 17", bộ máy tính để bàn	Hệ thống	1	330.670.000
5	Bàn trộn SD/HD loại 4SDI	Bộ	3	198.340.000
6	Bộ ghi chương trình ra ngoài thẻ nhớ tại trường quay	Bộ	3	201.290.000
7	Switch Fibre Channel	Bộ	1	299.565.000
8	Card mạng ethernet 10Gbps	Cái	1	27.682.000
9	Máy quay SD/HD loại nhỏ cho phóng viên kèm theo thẻ nhớ, micro, pin, đầu đọc thẻ nhớ, túi đựng và chân máy	Bộ	2	325.480.000
II	**Đài Phát thanh các huyện, thành phố**			
a	***Huyện Khoái Châu***			
1	Cụm thu không dây	Cụm	9	4.200.000
2	Loa nén	Cái	18	3.000.000
3	Máy phát điện	Cái	1	20.000.000
4	Máy phát sóng FM	Cái	1	98.000.000
5	Ăng ten chấn tử	Cái	4	6.500.000
6	Bộ chia ăng ten	Bộ	1	5.900.000
7	Máy phát điện	Cái	1	20.000.000
8	Lioa	Cái	1	13.000.000
9	Máy quay mini	Cái	1	85.000.000
10	Thẻ nhớ Camera	Cái	1	10.000.000
11	Ống kính	Cái	1	20.000.000
12	Máy ảnh	Cái	1	25.000.000
13	Máy ghi âm	Cái	1	12.000.000
b	***Huyện Kim Động***			
1	Máy quay phim dòng XDCAM	Bộ	1	260.115.000
c	***Huyện Ân Thi***			
1	Máy phát sóng công suất 500W	Bộ	1	300.000.000
2	Máy phát sóng công suất 50W	Bộ	1	80.000.000
d	***Huyện Văn Giang***			
1	Bộ máy tính chuyên dụng: CPU core i7, Ram 16GB; DVD Rw Asus; 02 ổ 2 TB lưu dữ liệu, 01 ổ hệ thống 500 GB, nguồn 620W Coolermater;VGA 2GB/128bit Gyga; Màn hình Dell 23"; Bàn phím, chuột, loa vi tính, bộ lưu điện	Bộ	1	38.000.000
2	Mixer Yamaha EMX2 hoặc tương đương	Bộ	1	18.000.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
3	Bộ lưu điện dung lượng cao EATON 2700W hoặc tương đương dành cho thiết bị phòng máy	Chiếc	1	32.000.000
4	Microphone Alctron UM900 hoặctương đương bao gồm phụ kiện kèm ngoài (Giá đỡ, chân kẹp…)	Bộ	4	7.600.000
5	Card sound thu âm USB ROLAND UA-55	Cái	1	8.500.000
e	***Thành phố Hưng Yên***			
1	Máy phi tuyến thu dựng chương trình phát sóng	Bộ	1	128.000.000
2	05 Bộ thu FM không dây công suất 50W + Loa nén POSTER 25W	Bộ	5	4.800.000
3	Thẻ máy quay SONY HVR-Z7N/Z7P	Chiếc	1	7.000.000
4	Thẻ máy quay SONY PXW – X160	Chiếc	1	13.000.000
5	Ổ cứng 2T Toshiba	Chiếc	2	3.000.000
6	Camera giám sát	Bộ	1	30.000.000
A3	**NÔNG NGHIỆP**			
I	**Chi cục Quản lý đê điều và phòng chống lụt bão**			
1	Máy đo độ sâu nhằm hỗ trợ quan trắc, thông tin, cảnh báo, báo động, thiên tai tại cộng đồng	Chiếc	1	113.000.000
II	**Chi cục Thủy sản**			
a	***Dụng cụ, hóa chất, thuốc thử phục vụ việc kiểm tra dịch bệnh thủy sản, môi trường và thức ăn thủy sản***			
1	Thuốc thử COD HI93754C-25	Hộp	6	1.590.000
2	Khay đựng ống (loại đựng 25 ống) HI740216	Cái	1	2.340.000
3	Tấm chắn bảo vệ an toàn trên bàn phòng thí nghiệm HI740217	Cái	1	2.380.000
4	Sodium hydrooxide (NaOH)	Lọ	10	1.069.000
5	Ống chuẩn HCl	Ống	20	850.000
6	K_2SO_4	Lọ	6	1.550.000
7	Ống hút thẳng chia vạch 5ml – Duran	Ống	10	107.000
8	Ống hút thẳng chia vạch 10ml - Duran	Ống	5	210.000
9	Ống hút thẳng chia vạch 25ml - Schott	Ống	5	217.000
10	Quả bóp cao su 3 van	Cái	6	197.000
11	Lam kính (43 x 220)	Hộp	8	125.000
12	Lamen (22 x 22)	Hộp	9	100.000
13	Bình tam giác, cổ hẹp 1.000ml (42 x 220)	Cái	20	148.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
14	Bình thủy tinh hình trụ 1.000ml	Cái	10	125.000
15	Acid ascorbic HI93712A-0	Hộp	2	2.805.000
16	Thuốc thử aluminon HI93712B-0	Hộp	2	2.805.000
17	Chất tẩy trắng HI93712C-0	Hộp	1	2.805.000
18	Thuốc thử Aluminium, HI93712-01	Hộp	3	2.555.000
19	Thuốc thử Aluminium, HI93712-03	Hộp	1	7.305.000
20	Thuốc thử kiềm HI 93755-0	Hộp	5	640.000
21	Thuốc thử Alkalinity, hộp 100 test HI93755-01	Hộp	3	690.000
22	Thuốc thử Alkalinity, HI93755-03	Hộp	2	1.820.000
23	Thuốc thử đầu HI93700A-0	Lọ	2	1.800.000
24	Thuốc thử thứ 2 HI93700B-0	Lọ	2	1.800.000
25	Thuốc thử Amonia thang thấp HI 93700-01	Hộp	3	1.300.000
26	Thuốc thử Amonia thang thấp HI 93700-03	Hộp	1	3.870.000
27	Thuốc chỉ thị Ca, Mg HI 93720A-0	Lọ	1	1.348.000
28	Dung dịc EGTA HI 93720C-0	Lọ	1	1.348.000
29	Dung dịch alkali HI93720B-0C	Lọ	1	1.348.000
30	Thuốc thử HI 93720-01	Hộp	2	1.248.000
31	Thuốc thử HI93720-03	Hộp	1	2.990.000
32	Thuốc chỉ định Mg HI 93719A-0	Lọ	1	1.548.000
33	Dung dịch Alkali HI 93719B-0	Lọ	1	1.548.000
34	Dung dịch EDTA HI 93719C-0	Lọ	1	1.548.000
35	Dung dịch EGTA HI 93719D-0	Lọ	1	1.548.000
36	Thuốc thử độ cứng Magiesium HI93719-01	Hộp	2	1.248.000
37	Thuốc thử độ cứng Magiesium HI93719-03	Hộp	1	3.420.000
38	Thuốc thử dạng bột HI 93721-0	Hộp	2	595.000
39	Thuốc thử sắt HI93721-01	Hộp	2	595.000
40	Thuốc thử sắt HI93721-03	Hộp	2	1.725.000
41	Ống phá mẫu	Ống	9	750.000
b	***Bộ gia nhiệt COD HI 839800-02, 25 chốc, nguồn SD 230V***	Bộ	1	26.000.000
A4	**TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**			
I	**Hệ thống nhận dữ liệu quan trắc tự động của các đơn vị có lưu lượng nước thải lớn trong KCN**			
1	Máy tính + Ổ cứng + Card màn hình	Bộ	1	90.950.000
2	Tủ rack chứa máy tính Server và phụ kiện	Bộ	1	75.285.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
3	Phần mềm cho máy tính	Bộ	1	27.285.000
4	Màn hình hiển thị	Bộ	3	28.190.000
5	Thiết bị phụ trợ cho trạm thu nhận dữ liệu trung tâm	Bộ	1	25.950.000
6	Bộ lưu điện cho trạm thu nhận dữ liệu trung tâm	Bộ	1	55.507.000
7	App điện thoại ISO và Android	PM	1	237.561.000
8	Máy scan 2 mặt Epson GT 15000	Chiếc	1	30.000.000
II	**Hỗ trợ bình, thùng, nắp đậy để phân loại xử lý rác thải sinh nhật**			
1	Nắp hố xử lý rác thải (nắp tôn đậy hố rác thải)	Nắp	2000	370.000
2	Thùng rác công cộng (Thùng rác HDPE 240 lít)	Thùng	60	1.680.000
3	Thùng phi nhựa HDPE (160 lít)	Chiếc	100	560.000
III	**Trung tâm Quan trắc tài nguyên và môi trường**			
1	Thiết bị lấy mẫu bụi theo phương ngang	Bộ	2	108.680.000
2	Thiết bị lấy mẫu khí lưu lượng thấp (Model: PST 5000-A)	Bộ	1	86.790.000
3	Thiết bị lấy mẫu khí lưu lượng thấp (Model: GilAir Plus)	Bộ	1	106.150.000
4	Thiết bị lấy mẫu trầm tích	Bộ	1	54.890.000
5	Máy đo độ rung	Bộ	1	140.140.000
6	Cân điện tử (phục vụ hiện trường quan trắc)	Cái	1	14.850.000
7	Máy đo liều phóng xạ cầm tay	Cái	1	131.450.000
8	Đồng hồ đo chênh áp PP EPA 2	Cái	1	12.870.000
9	Bộ chuẩn khí hiện trường	Bộ	1	164.120.000
10	Nâng cấp thiết bị GC - Thiết bị tiêm maauxlongr tự động Agilent	Bộ	1	513.590.000
11	Bếp cách cát hiện số	Cái	1	52.030.000
12	Bếp gia nhiệt	Cái	1	64.350.000
13	Bộ phân tích TSS	Bộ	1	98.230.000
14	Bếp cách thủy 8 chỗ	Cái	1	63.580.000
15	Đèn tia cực tím diệt khuẩn cho tủ cấy vi sinh	Bộ	1	6.490.000
16	Bình hút ẩm	Cái	1	8.690.000
17	Cột trao đổi Ion	Bộ	1	51.150.000
IV	**Chi cục Quản lý đất đai**			
1	Máy scan 2 mặt Fuji Xerox Docuscan C4250 tự động quét 2 mặt ở độ phân giải 600x600	Chiếc	1	50.000.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
V	**Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Hưng Yên**			
1	Xe gom rác	Cái	28	5.550.000
2	Xe hai bánh chở rác chuyên dụng	Cái	19	7.425.000
3	Nắp hố rác	Cái	9480	420.000
VI	**Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Phù Cừ**			
1	Xe chở rác chuyên dụng (loại 0,5m^3)	Chiếc	60	4.500.000
2	Xe thu gom rác thùng vuông (loại 1,5m^3)	Chiếc	34	5.100.000
A5	**THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**			
I	**Hạ tầng phòng máy (Sở Thông tin và Truyền thông sử dụng)**			
1	Thiết bị switch gom luồng layer 3- 24 port 1Gbps	Bộ	1	89.320.000
2	UPS 3KVA	Bộ	1	22.000.000
3	Máy tính xách tay	Bộ	1	13.200.000
4	Tủ Rack 27 U	Bộ	1	11.000.000
5	Tivi 70in	Bộ	1	83.600.000
II	**Phòng họp (Văn phòng UBND tỉnh sử dụng)**			
1	Thiết bị hội nghị truyền hình	Bộ	1	375.697.000
2	Ti vi 55 in	Bộ	2	36.668.000
3	UPS 3KVA	Bộ	1	22.000.000
4	Tủ kệ truyền hình chuyên dụng	Bộ	1	23.100.000
III	**Phòng họp (UBND các huyện/ thành phố)**			
2	Ti vi 55 in	Bộ	10	33.334.000
3	UPS 1KVA online	Bộ	10	9.444.000
4	Tủ kệ truyền hình chuyên dụng	Bộ	10	15.000.000
IV	**Thiết bị bảo mật trang bị cho các sở ngành, UBND các huyện, thành phố**			
1	Thiết bị định tuyến kết nối mạng WAN	Chiếc	27	115.500.000
2	Thiết bị chuyển mạch kết nối mạng LAN	Chiếc	81	54.560.000
3	Thiết bị bảo mật kết nối mạng LAN	Chiếc	27	127.493.333
V	**Thiết bị trang bị cho trung tâm THDL tỉnh (Sở Thông tin và Truyền thông quản lý, vận hành)**			
a	***Hạng mục cải tạo***			
1	Cải tạo, mở rộng mặt bằng trung tâm tích hợp dữ liệu: vách chống cháy, trần giả chống cháy, cửa chống cháy	Gói	1	161.082.000
2	Hệ thống sàn kỹ thuật	Hệ thống	1	204.213.000
3	Hệ thống tiếp đất, chống sét lan truyền	Hệ thống	1	88.000.000
b	***Hệ thống thiết bị hạ tầng phòng máy chủ***			
1	Hệ thống phân phối nguồn điện: dây, cáp điện, tủ phân phối			

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
1.1	*Tủ điện tổng đầu vào Trung tâm dữ liệu - MSB, công suất phân phối 66kVA*	Tủ	1	104.500.000
1.2	*Tủ phân phối điện cho các tủ Rack thiết bị công nghệ thông tin - PDU, công suất phân phối 66kVA*	Tủ	2	49.500.000
1.3	*Dây, cáp điện đấu nối: tủ điện đầu vào, UPS, điều hòa, chiếu sáng, tủ rack thiết bị, ổ cắm,....*	Lô	1	122.100.000
1.4	*Hệ thống máng cáp điện đi ngầm dưới sàn kỹ thuật*	Mét	32	495.000
1.5	*Ổ cắm công nghiệp cho tủ Rack*	Bộ	8	1.320.000
1.6	*Hệ thống chiếu sáng, chiếu sáng khẩn cấp*	Hệ thống	1	16.500.000
c	***Hệ thống chống sét***			
1	Hệ thống chống sét lan truyền	Hệ thống	1	107.800.000
d	***Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động FM200***			
1	Hệ thống chữa cháy	Hệ thống	1	331.100.000
2	Hệ thống báo cháy	Hệ thống	1	13.145.000
3	Vật tư phụ		1	4.400.000
e	***Hệ thống quản trị tập trung, giám sát môi trường***			
1	Trung tâm điều khiển hệ thống quản trị tập trung	Bộ	1	165.000.000
2	Cảm biến nhiệt độ phòng máy chủ	Cái	2	2.750.000
3	Cảm biến độ ẩm phòng máy chủ	Cái	2	3.080.000
4	Cảm biến phát hiện rò rỉ nước	Cái	2	6.160.000
5	Cảm biến sự cố nguồn điện 3 pha	Cái	2	3.850.000
6	Thiết bị gửi tin nhắn cảnh báo người dùng	Cái	1	8.800.000
7	Máy tính quản trị hệ thống quản trị tập trung và giám sát môi trường	Bộ	1	27.500.000
g	***Hệ thống camera giám sát, kiểm soát vào ra***			
1	Camera IP giám sát	Cái	5	19.800.000
2	Hệ thống kiểm soát vào ra	Hệ thống	1	66.000.000
3	Thẻ từ không tiếp xúc	Thẻ	20	55.000
4	Phần mềm quản lý tập trung hệ thống camera giám sát và kiểm soát vào ra	Phần mềm	1	5.000.000
5	Máy tính quản trị lưu trữ dữ liệu hệ thống	Bộ	1	27.500.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
	camera giám sát và kiểm soát vào ra			
h	***Hệ thống Rack***			
1	Tủ rack tiêu chuẩn DataCenter, cao 42U, lắp đặt máy chủ	Tủ	2	41.800.000
2	Tủ rack tiêu chuẩn DataCenter, cao 42U, lắp đặt thiết bị mạng	Tủ	2	46.200.000
3	Tủ rack tiêu chuẩn DataCenter, dạng Open rack, lắp đặt tập trung cáp cấu trúc	Tủ	1	30.800.000
4	Thanh PDU lắp đặt trong tủ rack, loại chuyên dụng 32A, tối thiểu 20 đầu nối	Cái	8	9.020.000
i	***Hệ thống phòng điều hành giám sát***			
1	Bàn giám sát, vận hành	Cái	1	13.200.000
2	Ghế ngồi cho giám sát, vận hành	Cái	2	2.200.000
3	Màn hình giám sát loại LED/LCD 48inch	Cái	2	38.500.000
k	***Hệ thống cáp cấu trúc***			
1	Hệ thống cáp đồng	Hệ thống	1	119.460.000
2	Hệ thống cáp quang	Hệ thống	1	697.400.000
3	Hệ thống mạng cáp dữ liệu dạng lưới thép tĩnh điện	Hệ thống	1	8.415.000
A6	**VĂN HÓA**			
I	**Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Du lịch**			
1	Máy ảnh	Cái	1	10.000.000
II	**Hội Nhà báo tỉnh Hưng Yên**			
1	Ống kinh Máy ảnh NikonAF-S200-500mF5.6E EDVR	Cái	1	30.000.000
2	Ống kinh Máy ảnh Nikon24-70mm F2.80 ED Nano	Cái	1	49.000.000
3	Túi đựng máy ảnh	Cái	1	3.000.000
4	Kính lọc ánh sáng B+W 77mm	Cái	1	1.800.000
5	Kính lọc ánh sáng B+W 82	Cái	1	2.200.000
A7	**CÔNG AN TỈNH**			
	Trang thiết bị kỹ thuật, phương tiện phòng chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự	Hệ thống	1	500.000.000
	Thiết bị phục vụ giám định khám nghiệm	Hệ thống	1	500.000.000
A8	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**			
I	**Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng**			
1	Thiết bị kiểm tra hàng đóng gói sẵn	Chiếc	01	230.000.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
II	**Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng**			
1	Thiết bị kiểm định phương tiện đo điện tim, điện não	Chiếc	01	450.000.000
III	**Trung tâm Thông tin và Thống kê khoa học và công nghệ**			
1	Máy quay phim chuyên dụng	Chiếc	01	75.000.000
A9	**GIÁO DỤC**			
1	Máy quét ảnh KVSL 1056 (Tương thích chuẩn quét ảnh của DR- M160II). Tốc độ quét: 45 ảnh/ phút	Chiếc	2	25.900.000
2	Phần mềm xử lý ảnh quét bài thi trắc nghiệm TestPro 2017. Tốc độ xử lý ảnh: 120 bài/phút	Bộ	2	24.000.000
A10	**GIAO THÔNG**			
I	**Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới**			
1	Thiết bị dây chuyền kiểm định			
1.1	Thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe	Chiếc	2	193.370.000
1.2	Thiết bị phân tích khí xả	Chiếc	2	237.926.000
1.3	Thiết bị đo độ khói	Chiếc	2	228.123.000
1.4	Thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước	Chiếc	2	176.758.000
1.5	Thiết bị đo độ ồn	Chiếc	2	76.123.000
1.6	Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm	Chiếc	2	322.898.000
1.7	Camera quan sát	Chiếc	2	23.000.000
1.8	Camera chụp hình	Chiếc	4	25.000.000
1.9	Máy ảnh kỹ thuật số chụp hình	Chiếc	2	18.000.000
1.10	Máy vi tính	Chiếc	24	25.000.000
1.11	Máy in	Chiếc	12	12.000.000
1.12	Máy phô tô	Chiếc	2	42.000.000
2	Dụng cụ kiểm định			
1.1	Dụng cụ kiểm tra áp suất hơi lốp	Chiếc	2	6.000.000
1.2	Đèn soi chuyên dùng	Chiếc	4	5.000.000
1.3	Búa chuyên dùng kiểm tra	Chiếc	6	4.000.000
1.4	Kích thủy lực trên hầm kiểm tra	Chiếc	2	25.000.000
B	**TÀI SẢN TÍNH NĂNG THÔNG DỤNG NHƯNG CẦN THIẾT TRANG BỊ ĐỂ DUNG CHO CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN (KHÔNG PHỤC VỤ CÁ NHÂN)**			
B1	**GIÁO DỤC**			
I	**Trường THCS Nguyễn Tất Thành**			
1	Dù che nắng, mưa	Cái	1	37.000.000
2	Máy quay	Cái	1	20.000.000
II	**Danh mục thiết bị các trường mầm non**			

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
1	Giá phơi khăn	Cái	68	910.000
2	Cốc uống nước	Cái	601	35.000
3	Tủ (giá) đựng ca cốc	Cái	75	3.620.000
4	Bình ủ nước	Bộ	63	4.125.000
5	Mô hình hàm răng	Cái	103	125.000
6	Vòng thể dục to	Cái	27	65.000
7	Vòng thể dục nhỏ	Cái	10	45.000
8	Gậy thể dục to	Cái	75	7.500
9	Gậy thể dục nhỏ	Cái	239	6.200
10	Tủ cơm ga	Chiếc	8	38.850.000
11	Giá để bát Inox	Chiếc	26	8.602.000
12	Bộ xoong nấu inox	Bộ	28	7.513.000
13	Máy xay thịt công nghiệp	Cái	16	18.560.000
14	Tủ đựng chăn màn	Cái	81	7.468.000
15	Giá để giày dép	Cái	101	1.650.000
16	Phản ngủ	Chiếc	589	850.000
17	Bàn cho trẻ	Chiếc	1.180	575.000
18	Ghế cho trẻ	Chiếc	2.455	195.000
19	Giá để đồ chơi và học liệu (4 tủ góc)	Bộ(4tủ)	89	12.500.000
20	Bảng quay hai mặt	Cái	89	1.855.000
21	Tủ để đồ dùng cá nhân vật liệu mới (30 ô chia làm 2 khối mỗi khối 15 ô)	Cái	93	12.850.000
22	Con vật nhún di động	Con	28	3.250.000
23	Con vật nhún lò xo	Con	41	5.150.000
24	Cầu trượt đôi	Bộ	15	26.500.000
25	Xích đu sàn lắc	Bộ	24	13.500.000
26	Ống chui thể dục (các độ tuổi: 3,4,5 trong CT GDMN)	Chiếc	39	23.350.000
27	Ghế băng thể dục	Chiếc	69	4.650.000
28	Cột ném bóng	Cái	98	385.000
29	Cổng chui thể dục	Cái	77	110.000
30	Bục bật sâu (trong chương trình GDMN).	Cái	97	1.250.000
31	Đu quay mâm trên ray	Bộ	12	25.250.000
32	Xe đạp chân	Cái	81	1.750.000
33	Ô tô đạp chân	Cái	58	2.700.000
34	Xe lắc	Cái	58	850.000
35	Khung thành	Bộ	10	6.100.000
36	Nhà bóng	Bộ	11	55.000.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
37	Cầu thăng bằng dao động	Bộ	24	6.500.000
38	Bập bênh đôi	Cái	17	6.500.000
39	Bộ vận động đa năng (Thang leo - Cầu trượt - Ống chui)	Bộ	8	84.500.000
40	Máy chiếu đa năng	Cái	26	31.500.000
41	Màn chiếu mô tơ có điều khiển	Cái	24	6.500.000
42	Tủ đựng tài liệu	Chiếc	70	5.000.000
III	**Danh mục thiết bị các trường tiểu học**			
1	Phòng học ngoại ngữ - tương tác đa năng (1 Giáo viên - 40 Học sinh), gồm các thiết bị sau: *- 01 Bảng tương tác thông minh* *-01 Máy chiếu đa năng khoảng cách siêu gần* *-01bộ Phụ kiện đi kèm Giá treo máy chiếu chuyên dụng* *- 01 Bộ thu tín hiệu* *- 01 Bộ điều khiển cho giáo viên* *- 40 Thiết bị trả lời - voting cho học sinh* *- 01 Máy chiếu vật thể - Nhận diện hình ảnh* *- 01 Máy tính điều khiển* *- 01 Phần mềm sách giáo khoa tiếng Anh tương tác* *- 01 Phần mềm điều khiển, trả lời trắc nghiệm (theo bộ trắc nghiệm)* *- 01 Âm thanh di động* *- 01 Phụ kiện lắp đặt*	Phòng	18	295.000.000
2	Bộ bàn + ghế giáo viên	Bộ	300	1.820.000
3	Bàn ghế học sinh (Bàn 2 chỗ ngồi, ghế rời) Cỡ số V (V/145-159, CG 37, SG 36, RG 34, CB 63, HSCC 26, SB 50,RB 120).	Bộ	803	1.850.000
4	Bàn ghế học sinh (Bàn 2 chỗ ngồi, ghế rời) Cỡ số VI (VI/160-175, CG 41, SG 40, RG 36, CB 69, HSCC 28, SB 50,RB 120).	Bộ	2.085	1.850.000
5	Giá thư viện	Cái	29	9.560.000
6	Tủ đựng tài liệu	Cái	254	5.000.000
7	Bàn đọc thư viện	Cái	62	6.750.000
8	Ghế đọc thư viện	Cái	390	350.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
9	Máy chiếu đa năng	Cái	211	31.500.000
10	Màn chiếu điện điều khiển từ xa	Cái	132	6.200.000
11	Âm thanh di động	Cái	36	17.500.000
12	Bảng di động lên xuống đa năng	Cái	17	24.500.000
13	Bảng phụ	Cái	189	500.000
14	Bảng nhóm	Cái	956	200.000
IV	**Danh mục thiết bị các trường THCS**			
1	Phòng học ngoại ngữ - tương tác đa năng (1 Giáo viên - 40 Học sinh), gồm các thiết bị sau: *- 01 Bảng tương tác thông minh* *- 01 Máy chiếu đa năng khoảng cách siêu gần* *- 01bộ Phụ kiện đi kèm Giá treo máy chiếu chuyên dụng* *- 01 Bộ thu tín hiệu* *- 01 Bộ điều khiển cho giáo viên* *- 40 Thiết bị trả lời - voting cho học sinh* *- 01 Máy chiếu vật thể - Nhận diện hình ảnh* *- 01 Máy tính điều khiển* *- 01 Phần mềm sách giáo khoa tiếng Anh tương tác* *- 01 Phần mềm điều khiển, trả lời trắc nghiệm (theo bộ trắc nghiệm)* *- 01 Âm thanh di động* *- 01 Phụ kiện lắp đặt*	Phòng	12	295.000.000
2	Bộ bàn + ghế giáo viên	Bộ	253	1.680.000
3	Bàn ghế học sinh (Bàn 2 chỗ ngồi, ghế rời) Cỡ số V (V/145-159, CG 37, SG 36, RG 34, CB 63, HSCC 26, SB 50,RB 120).	Bộ	624	1.850.000
4	Bàn ghế học sinh (Bàn 2 chỗ ngồi, ghế rời) Cỡ số VI (VI/160-175, CG 41, SG 40, RG 36, CB 69, HSCC 28, SB 50,RB 120).	Bộ	1.984	1.850.000
5	Giá thư viện	Cái	64	9.560.000
6	Tủ đựng tài liệu (Tủ lớp học)	Cái	186	5.000.000
7	Bàn đọc thư viện	Cái	77	6.750.000
8	Ghế đọc thư viện	Cái	599	350.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
9	Máy chiếu đa năng	Cái	194	31.500.000
10	Màn chiếu điện điều khiển từ xa	Cái	134	6.500.000
11	Giá để dụng cụ thí nghiệm	Cái	57	13.500.000
12	Bàn thí nghiệm môn Vật Lý giáo viên	Cái	13	5.500.000
13	Bàn thí nghiệm môn Vật Lý học sinh	Cái	88	9.500.000
14	Tủ điều khiển điện trung tâm	Cái	8	12.600.000
15	Ghế đôn thí nghiệm môn Lý	Cái	329	550.000
16	Bàn thí nghiệm giáo viên môn Hóa	Cái	14	5.500.000
17	Bàn thí nghiệm học sinh môn Hóa học	Cái	89	9.500.000
18	Ghế đôn thí nghiệm môn Hóa	Cái	344	550.000
19	Bàn thí nghiệm giáo viên môn sinh học	Cái	15	5.500.000
20	Bàn thí nghiệm học sinh môn sinh	Cái	85	11.500.000
21	Ghế đôn thí nghiệm môn Sinh	Cái	479	550.000
22	Âm thanh trợ giảng di động	Cái	76	17.500.000
23	Bảng di động lên xuống đa năng	Cái	61	24.500.000
24	Kính hiển vi 2 mắt	Cái	30	38.200.000
V	**Danh mục thiết bị các Trung tâm GDNN-GDTX**			
1	Bộ bàn + ghế giáo viên	Bộ	43	1.680.000
2	Bàn ghế học sinh (Bàn 2 chỗ ngồi, ghế rời) Cỡ số VI (VI/160-175, CG 41, SG 40, RG 36, CB 69, HSCC 28, SB 50,RB 120).	Bộ	318	1.850.000
3	Máy chiếu đa năng	Cái	16	31.150.000
4	Màn chiếu điện điều khiển từ xa	Cái	20	6.500.000
5	Âm thanh trợ giảng di động	Cái	14	17.500.000
6	Bảng di động lên xuống đa năng	Cái	19	24.500.000
VI	**Máy chấm thi trắc nghiệm**			
1	Máy chấm thi trắc nghiệm các trường THCS và THPT	Bộ	197	57.500.000
VII	**Phần mềm ứng dụng trong nghành giáo dục và đào tạo**			
1	Phần mềm xây dựng hệ thống quản lý thi phòng máy trực tuyến các trường THCS, THPT và SGDĐT	Bộ	198	19.500.000
2	Phần mềm phân hệ quản lý thư viện tại các nhà trường	Bộ	378	10.000.000
3	Phần mềm quản lý thiết bị	Bộ	556	7.000.000
VIII	**Phòng học Ngoại ngữ đa năng, bao gồm các thiết bị**			
1	**Bộ thiết bị dạy học ngoại ngữ đa năng**			
1.1	Bảng tương tác	Chiếc	64	86.000.000

STT	Danh mục tài sản	Đơn vị tính	Số lượng tối đa	Mức giá tối đa (đã bao gồm VAT)/01 đơn vị tài sản (đồng)
1.2	Máy chiếu vật thể	Chiếc	64	21.000.000
1.3	Máy chiếu cự ly gần	Chiếc	64	26.000.000
1.4	Thiết bị kiểm tra đánh giá *(Bộ gồm 40 thiết bị)*	Bộ	64	36.000.000
1.5	Giá treo (*bảng + máy chiếu cự ly gần*)	Bộ	64	9.000.000
1.6	Bảng phấn chống lóa (*kiểu mở trượt cửa sổ 2 cánh*)	Chiếc	64	17.000.000
2	**Phần mềm đi kèm**			
2.1	Phần mềm tích hợp hệ thống	Bộ	64	15.000.000
2.2	Phần mềm sách giáo khoa điện tử các môn học theo chuẩn của Bộ GD&ĐT	Bộ	64	8.000.000
2.3	Phần mềm học tiếng Anh (200 tài khoản học Online qua mạng internet)	Bộ	64	5.000.000
3	**Thiết bị đi kèm**			
3.1	Ổn áp điện	Chiếc	64	2.200.000
3.2	Ổ cắm điện 6 chấu	Chiếc	64	200.000
3.3	Máy tính đồng bộ *(theo thông số kỹ thuật)*	Bộ	64	15.000.000
3.4	Bàn giáo viên	Chiếc	64	1.800.000
3.5	Ghế xoay giáo viên	Chiếc	64	800.000
4	**Hệ thống âm thanh**			
4.1	Bộ tăng âm	Đôi	64	7.000.000
4.2	Loa treo tường	Chiếc	64	6.000.000
4.3	Microphone cầm tay không dây	Chiếc	64	5.500.000
4.4	Microphone cầm tay có dây	Chiếc	64	1.000.000
4.5	Bộ thu không dây	Chiếc	64	6.000.000
4.6	Tủ đựng thiết bị âm thanh	Chiếc	64	4.500.000